TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – AN GIANG** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **179**/2025/QĐST-HNGĐ	*An Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị U**, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh G, nay là tổ 4, ấp C, xã H, tỉnh AG.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T,** sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 11, khu phố BH, thị trấn KL, huyện K, tỉnh G, nay là tổ 11, ấp BH, xã K, tỉnh AG.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ú và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung là Lê Ánh N, sinh ngày 28/02/2023. Chị U và anh T thỏa thuận: Giao cháu Lê Ánh N cho chị U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn: Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nôm, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, chị U tự nguyện nộp toàn bộ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0015709 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – AG. Số tiền còn thừa chị U được nhận lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8 – AG;
- Phòng THADS khu vực 8 – AG;
- UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh G (nay là UBND xã K, tỉnh AG);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy